

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 19 tháng 8 năm 2021  
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Giáp;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Minh;  
Ông Hoàng Tuấn Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24/6/2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn G, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:* Chị kết hôn với anh Trần Văn G vào ngày 12/12/2018 trên cơ sở tự nguyện. Việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ chung sống tại Hải Phòng. Vợ chồng hòa thuận đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G đã xúc phạm nhân cách, phẩm giá của chị. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay, chị

xác định mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019, hiện cháu đang ở với anh G. Trong thời gian sống ly thân, chị đã nhiều lần đến thăm con và đón con về nuôi vì cháu còn nhỏ nhưng gia đình anh G ngăn cản không cho chị thăm nom con, không cho đón con chị về. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị là nhân viên chuyển phát nhanh, lương 06 triệu đồng/tháng, làm việc ngày 08 tiếng, có đủ thời gian để chăm sóc con; về chỗ ở: Hiện chị ở cùng bố mẹ chị tại xóm 5, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng nên chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Trần Văn G xác nhận phần kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H khai và trình bày:* Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị H thường so sánh giữa con chung của anh với chị H với 02 người con riêng của chị H đã mất. Chị H còn đề nghị mua bảo hiểm cho con chung của anh với chị H, chị sẽ là người đứng tên thụ hưởng nếu xảy ra rủi ro. Do mỗi người có một quan điểm khác nhau nên anh rất tức giận chị H và bảo chị H là sống phải để đức cho con đang sống. Vì câu nói đó, chị H cho rằng mình bị xúc phạm và đã sống ly thân với anh. Chị H yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quỳnh A như chị H khai, hiện cháu Trần Quỳnh A đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, anh đang làm kế toán tại Bệnh viện đa khoa thành phố Hải Phòng, mức lương 08 triệu đồng/tháng; anh có nhà riêng ở khu phố M, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nội dung trên, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 143, 147, 207, 227, 228, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xứ:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Trần Văn G;

Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/4/2021, anh Trần Văn G kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn anh và không đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Trần Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa, anh và gia đình nhà anh đã xuống nhà chị H ở Hải Phòng để hai gia đình khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H vẫn không về chung sống với anh; anh không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị H đã 03 lần về thăm con, trong đó có 02 lần chị H đi cùng người nhà đến nhà anh chửi bới, xúc phạm bố mẹ anh, gia đình anh, Công an phải đến giải quyết. Tuy nhiên, anh vẫn xác định vợ chồng mâu thuẫn không lớn, anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ vì con chung còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Anh có điều kiện nuôi con tốt hơn chị H; anh làm kế toán, mức thu nhập trước đây là 8.000.000 đồng và hiện nay là 15.000.000 đồng/tháng; anh có chỗ ở riêng, có bố mẹ hỗ trợ anh nuôi con trong khi anh vắng nhà. Từ khi sinh ra cho tới nay, trừ 23 ngày chị H đem về nhà đẻ, còn lại cháu Trần Quỳnh A vẫn do anh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ngoài trực tiếp nuôi cháu Trần Quỳnh A, anh còn trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng 13 tuổi của anh với người vợ trước, nhưng anh vẫn nuôi dưỡng các con tốt.

Nguyên đơn là chị Đặng Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có văn bản gửi Tòa án cấp phúc thẩm nêu ý kiến của mình là vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh G và có nguyện vọng được nuôi con.

Do chị H vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn G. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Anh Trần Văn G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Trần Văn G gửi cho Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh trong thời hạn luật định. Sau khi nhận được đơn kháng cáo của anh G, ngày 24/4/2021 Tòa án thị xã T đã ban hành văn bản Thông báo cho anh G biết nghĩa vụ phải nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo. Ngày 29/4/2021 anh G đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án thị xã T, nhưng đến ngày 29/6/2021 anh G mới nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, lý do anh G nộp tiền tạm ứng án phí chậm là do trở ngại khách quan (phòng, chống dịch Covid 19). Do vậy, cần xác định anh G là người nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chậm có lý do chính đáng theo quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự và kháng cáo của anh G vẫn được Tòa án phúc thẩm xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Trần Văn G về việc không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn anh và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng; yêu cầu Tòa phúc thẩm xử cho anh được nuôi dưỡng con chung với chị H.

### **[2.1] Về quan hệ vợ chồng:**

Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H với anh Trần Văn G đã tuân thủ đầy đủ các quy định của luật Hôn nhân và gia đình; như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ hòa thuận thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, không quan tâm, thăm hỏi nhau. Anh G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng và con chung còn nhỏ, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn yêu cầu ly hôn của chị H với anh để vợ chồng về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H và anh G đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho tới nay, tình cảm vợ chồng đã xa lánh, không có xu hướng tụ hợp; anh G yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nhưng lại không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ

chồng giữa chị H và anh G đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên đã xử cho chị H được ly hôn anh G là phù hợp với pháp luật và thực tế. Anh G kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của chị H để vợ chồng về đoàn tụ là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh G và chị H có 01 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019, hiện đang do anh G đang nuôi dưỡng. Chị H là nhân viên chuyển phát nhanh, mức thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng; chị có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ chị ở T, thành phố Hải Phòng; gia đình chị cam kết tạo điều kiện, hỗ trợ chị trong việc chị nuôi con. Anh G làm kế toán, mức thu nhập tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 08 triệu đồng/tháng và hiện nay là 15 triệu đồng/tháng; anh có nhà ở thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Khi anh làm việc xa nhà, con do ông bà nội chăm sóc; ngoài việc đang nuôi dưỡng con chung với chị H, anh G còn đang phải trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng của anh với người vợ trước đã ly hôn. Khi ly hôn, chị H và anh G đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh G đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện tại con chung của anh G và chị H dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự trực tiếp nuôi dưỡng của người mẹ. Bản án sơ thẩm quyết định giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng pháp luật. Kháng cáo của anh G yêu cầu được nuôi con chung là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, kháng cáo của anh Trần Văn G về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của chị H và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đều không có căn cứ để chấp nhận, quyết định của Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

[3] Do kháng cáo của anh Trần Văn G không được chấp nhận nên anh G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn G, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng các Điều 143, 147, 148, 207, 227, 228, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H được ly hôn anh Trần Văn G;

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quỳnh A, sinh ngày 02/5/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu thu số: AA/2019/0003721 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh G đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0004072 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã C, huyện T, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Giáp**